

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-PT
Ngày: 25/11/2021
“Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Ông Võ Minh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2021/QĐ-PT ngày 14/6/2021; Thông báo về thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 497/TB-TA ngày 26/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 99/2021/QĐ-PT, ngày 25/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 124/2021/QĐ-PT, ngày 22/9/2021 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 706/TB-TA, ngày 22/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, phường L, quận K, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L - Giám đốc Ngân hàng V, Chi nhánh Quảng Ngãi, theo giấy ủy quyền số 325/UQ-VCB.PC, ngày 01/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V.

Người được ủy quyền lại: Ông Tôn Long Th – chức vụ: Phó phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Ngãi, theo giấy ủy quyền số 192/UQ.NHNT.QNg, ngày 03/8/2020.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Ao Xuân T, sinh năm 1971

2.2. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1974; là luật sư của Công ty Luật Lê Minh Toàn, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Khu Villas 1-2, Tổ hợp Hyundai Hillstate Hà Nội (cổng C), đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Ao Xuân V, sinh năm 1991

3.2. Anh Ao Xuân T1, sinh năm 1993

3.3. Anh Ao Xuân T2, sinh năm 1997

3.4. Anh Ao Xuân P, sinh năm 2005

Người đại diện hợp pháp của anh Phát là ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr (là cha mẹ đẻ của anh Phát).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/8/2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V (sau đây viết tắt là Ngân hàng V) trình bày:*

Giữa vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr và Ngân hàng V - chi nhánh Quảng Ngãi có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 28/10/2016 và hợp đồng tín dụng sửa đổi số: 5018.01/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 16/02/2017 để vay vốn như sau: Số tiền vay 6.800.000.000 đồng; mục đích vay: Đóng mới tàu cá vỏ gỗ lưới rê theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định 67) và Nghị định 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 67/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định 89); thời hạn cho vay 132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; thời gian ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký Hợp Đồng tín dụng; lãi suất cho vay trong hạn 7%/năm, theo quy định tại Nghị định 67, Nghị định 89 và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cơ quan quản lý Nhà nước, điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong đó: Lãi suất cho

vay khách hàng thực trả 3%/năm, lãi suất cho vay được Ngân sách Nhà nước cấp bù năm đầu tiên (12 tháng) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên 7%/năm, khách hàng được miễn lãi, từ năm thứ 02 trở đi mức lãi suất cấp bù là chênh lệch giữa lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất khách hàng thực trả là 3%/năm; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Hỗ trợ, cấp bù lãi suất: Thời hạn cấp bù lãi suất được thực hiện theo thời gian vay thực tế của khách hàng nhưng không quá mười một (11) năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên của Hợp đồng này và chỉ áp dụng đối với các khoản vay trả nợ trước hoặc đúng hạn tại thời điểm cấp bù lãi suất, bao gồm cả các khoản vay được gia hạn nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; không thực hiện cấp bù lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn; trong thời gian được hỗ trợ, cấp bù lãi suất, Ngân hàng phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì khách hàng không được hỗ trợ, cấp bù lãi suất và phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi vay được hỗ trợ trước đó; trong thời gian được hỗ trợ, cấp bù lãi suất, khách hàng phát sinh nợ quá hạn không phải do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, khách hàng không được hỗ trợ, cấp bù lãi suất và phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi vay được hỗ trợ trước đó. Theo quy định tại Điều b, Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định 67 và Nghị định 89, nguyên nhân khách quan, bất khả kháng bao gồm: tàu bị thiên tai trên biển; tàu bị nước ngoài bắt giữ sau đó trả lại; bị tàu nước ngoài hoặc tàu hải tặc đâm va. Trong mọi trường hợp, việc cấp bù lãi suất và tính toán giảm trừ lãi suất phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 67, Nghị định 89 của Chính phủ, Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014, Thông tư số 21/2015/TT-NHNN ngày 16/11/2015 của Ngân hàng Nhà nước và Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài Chính về chính sách phát triển thủy sản. Trường hợp Nhà nước có sự thay đổi về chính sách liên quan đến cấp bù lãi suất, thì việc cấp bù lãi suất sẽ được điều chỉnh phù hợp với hướng dẫn và quy định của cơ quan quản lý Nhà nước; trong trường hợp vì bất cứ lý do gì mà khoản cấp bù lãi suất áp dụng cho khách hàng không được Bộ Tài chính thanh toán thì khách hàng phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi vay được hỗ trợ trước đó; đối với các trường hợp khách hàng phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi vay được hỗ trợ trước đó, Ngân hàng được quyền tự động trích tài khoản các loại của khách hàng để thu lại số tiền lãi đã hỗ trợ. Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể bằng văn bản cho khách hàng.

Trả nợ gốc: Định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ lãi vay: Khách hàng trả lãi vay 01 tháng 01 lần trong thời hạn trả lãi vay được thỏa thuận như sau: Thời hạn trả lãi vay: 07 ngày kể từ ngày tính lãi vay. Trường hợp ngày đầu tiên của thời hạn trả lãi là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày đầu tiên của thời hạn trả lãi là ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó, ngày tính lãi vay được các bên thỏa thuận là ngày 25 hằng tháng. Trường hợp ngày đầu tiên của thời hạn trả lãi là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày tính lãi vay là ngày liền trước ngày đầu tiên của thời hạn trả lãi.

Ngân hàng V đã giải ngân cho ông T, bà Tr vay để thanh toán các chi phí đóng tàu cá, thể hiện tại các giấy nhận nợ như sau: Ngày 31/10/2016 nhận 1.470.000.000 đồng, ngày 31/10/2016 nhận 1.000.000.000 đồng, ngày 30/11/2016 nhận 332.500.000 đồng, ngày 30/11/2016 nhận 124.407.500 đồng, ngày 30/11/2016 nhận 244.534.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 413.000.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 789.320.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 765.905.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 333.000.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 250.657.500 đồng, ngày 11/01/2017 nhận 516.250.000 đồng, ngày 17/02/2017 nhận 173.780.000 đồng, ngày 17/02/2017 nhận 16.800.000 đồng, ngày 17/02/2017 nhận 85.780.000 đồng, ngày 28/3/2017 nhận 13.192.500 đồng, ngày 28/03/2017 nhận 103.250.000 đồng, ngày 31/03/2017 nhận 167.623.500 đồng. Tổng cộng 6.800.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr đã thế chấp cho Ngân hàng V các tài sản gồm:

- Tàu cá có số đăng ký QNg-90599-TS; Kiểu máy: Mitsubishi; Số máy: 69551; Công suất máy: 823 CV; Nơi sản xuất máy: Nhật; Kích thước: 22m x 6.8m x 3m; Vật liệu: Gỗ; Năm và nơi đóng: 2017, Quảng Nam; Ngư lưới cụ: 350 tấm lưới rê thành phẩm (tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019 chỉ còn 30 tấm lưới, trong đó 20 tấm lưới còn sử dụng được, 10 tấm lưới đã rách); Vật tư, trang thiết bị: Toàn bộ vật tư và trang thiết bị trên tàu tại mọi thời điểm; Giấy tờ sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 48/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/01/2017, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1434/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 1434.01/17/SĐBĐ-KHBL.QNg ngày 16/02/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 37, tờ bản đồ số 77, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 460960, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05846, do Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn cấp ngày 31/12/2014 cho hộ ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1435/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr đã không thực hiện trả nợ vay đầy đủ cho Ngân hàng, nên căn cứ vào tiểu mục 7.1.6; mục 7.1, điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 28/10/2016, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại nói trên sang nợ quá hạn.

Tính đến hết ngày 29/9/2020, vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr đã trả cho Ngân hàng V số tiền gốc 830.100.000 đồng, trả lãi trong hạn 81.875.834 đồng, trả lãi phạt quá hạn 102.083 đồng. Ông T, bà Tr còn nợ Ngân hàng V tiền gốc 5.969.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.117.428.978 đồng, nợ lãi quá hạn 63.012.212 đồng, tổng cộng là 7.150.341.190 đồng.

Cấp bù lãi suất: Vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr được miễn lãi năm đầu tiên với số tiền 427.725.721 đồng (mức lãi suất 7%/năm); từ năm

thứ 2 vợ chồng ông T, bà Tr được cấp bù lãi suất với số tiền 115.778.889 đồng (mức lãi suất 4%/năm). Tổng số tiền lãi khách hàng đã được cấp bù là 543.504.610 đồng.

Nay Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr trả nợ cho Ngân hàng các khoản, cụ thể như sau: Nợ gốc 5.969.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.117.428.978 đồng, lãi quá hạn 63.012.212 đồng (nợ lãi tạm tính đến hết ngày 29/9/2020); đồng thời hoàn trả lại cho Ngân hàng V toàn bộ phần lãi suất đã được Ngân sách nhà nước cấp bù với số tiền 543.504.610 đồng. Tổng cộng các khoản là 7.683.845.799 đồng (*bảy tỷ, sáu trăm tám mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Yêu cầu tiếp tục tính lãi toàn bộ số nợ cho đến khi ông Ao Xuân T và vợ là bà Nguyễn Thị Tr trả xong khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 28/10/2016 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 5018.01/HĐSD.KHBL.QNg-NĐ67 ngày 16/02/2017.

Nếu vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ và phần lãi suất đã được Ngân sách nhà nước cấp bù bị thu hồi nêu trên thì Ngân hàng V yêu cầu xử lý, phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phần lãi suất đã được Ngân sách nhà nước cấp bù thì ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr cùng các con là Ao Xuân V, Ao Xuân T1 và Ao Xuân T2 có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền Ngân hàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu các anh Ao Xuân V, Ao Xuân T1 và Ao Xuân T2 cùng trả nợ cho Ngân hàng, chỉ yêu cầu ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr trả nợ cho Ngân hàng V.

** Tại bản tự khai ngày 23/01/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr trình bày:*

Ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Ngãi để vay số tiền 6.800.000.000 đồng theo như đại diện Ngân hàng trình bày. Khoản vay này vợ chồng ông bà vay theo Nghị định 67 của Chính Phủ để thực hiện chính sách phát triển thủy sản của Nhà nước, nhưng trong quá trình khai thác thủy sản xa bờ, tàu của vợ chồng ông bà gặp nạn gió bão, thời tiết xấu, nước xoáy cuốn trôi mất ngư lưới cụ không thể tiếp tục đi đánh bắt. Vợ chồng ông bà đã đề nghị Ngân hàng V - chi nhánh Quảng Ngãi cho vợ chồng ông bà vay thêm để mua ngư lưới cụ tiếp tục đi đánh bắt nhưng Ngân hàng buộc phải có tài sản thế chấp thêm mới cho vay, trong khi vợ chồng ông bà không còn tài sản nào khác. Theo Nghị định 67 thì khi đóng tàu mới chủ tàu chỉ cần thế chấp tài sản hình thành là chiếc tàu mà không cần phải thế chấp tài sản khác nhưng Ngân hàng buộc vợ chồng ông bà ngoài thế chấp con tàu còn phải thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất mới cho

vay. Vợ chồng ông bà có tàu nhưng lại không thể đi đánh bắt nên không có tiền để trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Ngân hàng V đã làm trái với quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định 67.

Nay Ngân hàng V yêu cầu buộc vợ chồng ông bà phải trả cho Ngân hàng, tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 29/9/2020 là 7.150.341.190 đồng và hoàn trả lại cho Ngân hàng V toàn bộ phần lãi suất đã được Ngân hàng Nhà nước cấp bù với số tiền 543.504.610 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ thì vợ chồng ông bà có ý kiến như sau: Vợ chồng ông, bà yêu cầu Ngân hàng cung cấp toàn bộ các chứng từ liên quan đến khoản tiền 6.800.000.000 đồng mà Ngân hàng đã thanh toán cho người thứ ba (chủ xưởng đóng tàu và mua thiết bị phục vụ đóng mới tàu). Việc chậm trả tiền cho Ngân hàng là do tàu của vợ chồng ông bà gặp nạn gió bão, ảnh hưởng thời tiết xấu, dòng chảy biển động, nước chảy xiết, nước xoáy cuốn trôi mất lưới; đề nghị Ngân hàng V xem xét rút lại đơn khởi kiện, cơ cấu lại khoản tiền vay và cho vợ chồng ông bà vay thêm một khoản tiền để mua sắm cho đủ lưới để tiếp tục đi đánh bắt làm ăn trả nợ cho Ngân hàng V.

** Tại bản tự khai ngày 19/02/2019, anh Ao Xuân T1 và anh Ao Xuân T2 trình bày:*

Anh T1, anh T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu các anh phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, vì các anh không đứng tên trong hợp đồng vay, còn việc ký vào hợp đồng vay là do Ngân hàng đưa hàng loạt giấy tờ để ký thì các anh ký chứ không đọc nội dung; các anh không làm biển nên không có nhu cầu vay vốn theo Nghị định 67, việc vay là do cha mẹ các anh đứng tên vay, các anh chỉ đứng tên và ký vào hợp đồng thế chấp tài sản.

** Anh Ao Xuân V đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập làm việc nhưng anh Việt không có ý kiến trình bày.*

** Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V.

Buộc ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng V các khoản nợ sau: Nợ tiền gốc là 5.969.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.117.428.978 đồng, lãi quá hạn 63.012.212 đồng, hoàn trả lại cho Ngân hàng V toàn bộ phần lãi suất đã được Ngân sách nhà nước cấp bù với số tiền 543.504.610 đồng. Tổng cộng 7.683.845.799 đồng (*bảy tỷ, sáu trăm tám mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng*). Và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 30/9/2020 theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 28/10/2016 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 5018.01/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 16/02/2017 cho đến khi ông T, bà Tr thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo 02 Hợp đồng cho vay nêu trên cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T, bà Tr không có khả năng trả nợ hoặc trả không đủ các khoản nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp gồm:

- Tàu cá được mô tả như sau: Số đăng ký: QNg-90599-TS, Kiểu máy: Mitsubishi, Số máy: 69551, Công suất máy: 823 CV, Nơi sản xuất máy: Nhật, Kích thước: 22m x 6.8m x 3m, Vật liệu: Gỗ, Năm và nơi đóng: 2017, Quảng Nam, Ngư lưới cụ: 350 tấm lưới rê thành phẩm (Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019 chỉ còn 30 tấm lưới, trong đó 20 tấm lưới còn sử dụng được, 10 tấm lưới đã rách), Vật tư, trang thiết bị: Toàn bộ vật tư và trang thiết bị trên tàu tại mọi thời điểm, Giấy tờ sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 48/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/01/2017 chủ tàu là Ao Xuân T, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 1434/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số: 1434.01/17/SĐBĐ-KHBL.QNg ngày 16/02/2017.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 77, thôn Phước Thiện (nay thuộc thôn Phước Thiện 1), xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 115m² đất ở tại nông thôn và tài sản gắn liền trên đất là nhà ở cấp 4, diện tích 63,02m² và các công trình phụ khác gắn liền với đất; thửa đất số: 37, tờ bản đồ số 77, xã Bình Hải đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX 460960 số vào sổ cấp GCN CH05846 ngày 31/12/2014 cho hộ ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1435/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T cùng vợ là bà Tr phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay nêu trên.

Chấp nhận việc đại diện Ngân hàng rút yêu cầu về việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng đối với các anh Ao Xuân V, Ao Xuân T1, Ao Xuân T2 cùng trả nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2020, bị đơn ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án.

Theo khoản 3 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-NĐ67, giữa Ngân hàng V và ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr đã thỏa thuận về việc lựa chọn thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi có trụ sở của bên cho

vay. Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn giải quyết là không đúng thẩm quyền theo sự thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn giải quyết vì thuận tiện cho bị đơn tham gia tố tụng, bị đơn không đồng ý nội dung giải quyết nên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo quy định của pháp luật. Do đó, việc hủy bản án để giải quyết lại đúng thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn không cần thiết.

Về nội dung: Sau khi xem xét, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả lại lãi suất cấp bù năm đầu tiên của thời hạn vay cho nguyên đơn số tiền 427.725.721 đồng, các phần khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên; về án phí và các chi phí tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về kháng cáo: Ngày 07/10/2020, ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr có đơn kháng cáo đối bản án sơ thẩm số 35/2020/DS-ST, ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông T, bà Tr là hợp lệ.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tôn Long Th vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Ao Xuân V, anh Ao Xuân T1, anh Ao Xuân T2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông T, bà Tr là luật sư Lê Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có đơn trình bày lý do vắng mặt; đồng thời tại phiên tòa, ông T, bà Tr đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, không yêu cầu sự có mặt của luật sư T. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm: Theo khoản 9.2 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-NĐ67, ngày 28/10/2016, giữa Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Ngãi và ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr đã thỏa thuận về việc lựa chọn thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân nơi bên cho vay có trụ sở giải quyết. Như vậy, việc Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Ngãi khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn và Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn thụ lý, giải quyết là không đúng thẩm quyền theo thỏa thuận lựa chọn của các bên trong hợp đồng tín dụng và Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr trình bày đồng ý việc Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn giải quyết tranh chấp vì thuận tiện cho việc bị đơn đi lại tham gia tố tụng, bị đơn

không kháng cáo về thẩm quyền, bị đơn chỉ kháng cáo không đồng ý về nội dung giải quyết của cấp sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải xem xét lại thẩm quyền giải quyết theo thỏa thuận của các bên.

[1.4] Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2018, Ngân hàng V khởi kiện đối với người bị kiện là ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr, anh Ao Xuân V, anh Ao Xuân T1 và anh Ao Xuân T2. Tại Thông báo thụ lý vụ án số 294/TB-TLVA ngày 08/10/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị đơn gồm ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr, anh Ao Xuân V, anh Ao Xuân T1 và anh Ao Xuân T2. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu các anh Ao Xuân V, Ao Xuân T1 và Ao Xuân T2 cùng trả nợ cho Ngân hàng V, chỉ yêu cầu ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr trả nợ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr là bị đơn, anh Ao Xuân V, Ao Xuân T1 và Ao Xuân T2 không phải là bị đơn là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử xác định ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr là bị đơn, anh Ao Xuân V, Ao Xuân T1 và Ao Xuân T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định:

Giữa vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr và Ngân hàng V - chi nhánh Quảng Ngãi có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-ND67 ngày 28/10/2016 và hợp đồng tín dụng sửa đổi số 5018.01/KHBL.QNg-ND67 ngày 16/02/2017, cụ thể: số tiền vay 6.800.000.000 đồng; mục đích vay: đóng mới tàu cá vỏ gỗ lưới rê theo Nghị định 67 và Nghị định 89 của Chính phủ; thời hạn cho vay 132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; thời gian ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày ký Hợp Đồng tín dụng; lãi suất cho vay trong hạn 7%/năm, theo quy định tại Nghị định 67, Nghị định 89 và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cơ quan quản lý Nhà nước, điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong đó: Lãi suất cho vay khách hàng thực trả 3%/năm, lãi suất cho vay được Ngân sách Nhà nước cấp bù năm đầu tiên (12 tháng) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên 7%/năm, khách hàng được miễn lãi. Từ năm thứ 02 trở đi mức lãi suất cấp bù là chênh lệch giữa lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất khách hàng thực trả là 3%/năm; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr đã thế chấp cho Ngân hàng V các tài sản gồm:

- Tàu cá có số đăng ký QNg-90599-TS; kiểu máy: Mitsubishi; số máy 69551; Công suất máy 823 CV; Nơi sản xuất máy: Nhật; kích thước 22m x 6.8m x 3m; vật liệu: gỗ; năm và nơi đóng: 2017, Quảng Nam; ngư lưới cụ 350 tấm lưới rê thành phẩm (tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019 chỉ

còn 30 tấm lưới, trong đó 20 tấm lưới còn sử dụng được, 10 tấm lưới đã rách); vật tư, trang thiết bị: toàn bộ vật tư và trang thiết bị trên tàu tại mọi thời điểm; giấy tờ sở hữu: giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 48/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/01/2017, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1434/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số 1434.01/17/SĐBĐ-KHBL.QNg ngày 16/02/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 37, tờ bản đồ số 77, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 460960, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05846, do Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn cấp ngày 31/12/2014 cho hộ ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1435/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016.

Ngân hàng V đã giải ngân cho ông T, bà Tr vay để thanh toán các chi phí đóng tàu cá, thể hiện tại các giấy nhận nợ như sau: ngày 31/10/2016 nhận 1.470.000.000 đồng, ngày 31/10/2016 nhận 1.000.000.000 đồng, ngày 30/11/2016 nhận 332.500.000 đồng, ngày 30/11/2016 nhận 124.407.500 đồng, ngày 30/11/2016 nhận 244.534.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 413.000.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 789.320.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 765.905.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 333.000.000 đồng, ngày 16/12/2016 nhận 250.657.500 đồng, ngày 11/01/2017 nhận 516.250.000 đồng, ngày 17/02/2017 nhận 173.780.000 đồng, ngày 17/02/2017 nhận 16.800.000 đồng, ngày 17/02/2017 nhận 85.780.000 đồng, ngày 28/3/2017 nhận 13.192.500 đồng, ngày 28/03/2017 nhận 103.250.000 đồng, ngày 31/03/2017 nhận 167.623.500. Tổng cộng 6.800.000.000 đồng (các bút lục 151 đến 165).

Trong quá trình vay, vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr đã không thực hiện trả nợ vay đầy đủ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr đã trả nợ gốc là 830.100.000 đồng, lãi trong hạn 81.875.874 đồng, lãi quá hạn 102.083 đồng, tổng cộng là 912.077.957 đồng. Còn nợ Ngân hàng V tiền gốc là 5.969.900.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 1.180.441.190 đồng (trong đó: lãi trong hạn 1.117.428.978 đồng, lãi quá hạn 63.012.212 đồng).

Do đó, Ngân hàng V yêu cầu ông T, bà Tr phải trả số nợ vay và lãi tạm tính đến hết ngày 29/9/2020 là 7.150.341.190 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu hoàn trả cho Ngân hàng V toàn bộ phần lãi suất đã được Ngân sách Nhà nước cấp bù số tiền 543.504.610 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định 67 quy định: *d) Thời hạn cho vay: 11 năm, trong đó năm đầu tiên chủ tàu được miễn lãi và chưa phải trả nợ gốc, Ngân sách nhà nước cấp bù số lãi vay của chủ tàu được miễn năm đầu cho các ngân hàng thương mại.* Khoản 4 Điều 1 Nghị định 89 sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định 67 như sau: *“d) Thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất: 11 năm đối với trường hợp đóng mới tàu vỏ gỗ hoặc nâng cấp tàu; 16 năm đối với*

đóng mới tàu vỏ thép hoặc vỏ vật liệu mới. Năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, chủ tàu được miễn lãi và chưa phải trả nợ gốc, ngân sách nhà nước cấp bù số lãi vay của chủ tàu được miễn năm đầu cho các ngân hàng thương mại...”. Cụ thể hóa quy định nêu trên, tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 28/10/2016, giữa Ngân hàng V và ông T, bà Tr đã thỏa thuận lãi suất cho vay được Ngân sách Nhà nước cấp bù theo quy định tại Nghị định 67; đối với năm đầu tiên (12 tháng) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên là 7%/năm, bên vay được miễn lãi. Như vậy, đối với số tiền cấp bù lãi suất, vợ chồng ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr được miễn lãi năm đầu tiên với số tiền 427.725.721 đồng (mức lãi suất 7%/năm), ông T, bà Tr chỉ phải hoàn trả số tiền cấp bù lãi suất từ năm thứ 2 (tính đến ngày 26/3/2018) với số tiền 115.778.889 đồng (bl 49-59).

Tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định 67 quy định “3. *Trường hợp Ngân sách Nhà nước thu hồi số tiền cấp bù lãi suất do phát hiện chủ tàu có sai phạm trong việc sử dụng vốn vay hoặc các khoản nợ quá hạn của chủ tàu không phải do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, chủ tàu có trách nhiệm hoàn trả lại cho ngân hàng thương mại toàn bộ phần lãi suất cấp bù bị thu hồi*”.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V buộc ông T, bà Tr phải trả cho Ngân hàng V số tiền lãi đã được cấp bù là đúng nhưng lại buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền 543.504.610 đồng, kể cả số tiền ông T, bà Tr được miễn lãi năm đầu tiên của thời hạn vay là 427.725.721 đồng là không đúng. Do đó, chỉ có căn cứ buộc ông T, bà Tr phải trả số tiền cấp bù lãi suất từ năm thứ 2 trở đi với số tiền 115.778.889 đồng.

[2.3] Theo nội dung đơn kháng cáo, ông T, bà Tr trình bày vợ chồng ông bà bị thiên tai trên biển, khi đang thả lưới thì gặp luồng nước xoáy, mất lưới thuộc trường hợp bất khả kháng nhưng Ngân hàng V không tạo điều kiện hỗ trợ cho vay thêm để mua lưới đánh bắt. Do không được vay thêm nên tàu không hoạt động được từ đó không có thu nhập để trả gốc lãi cho Ngân hàng theo lịch trả nợ; việc Ngân hàng V đã không cơ cấu lại nợ và hỗ trợ cho ông bà vay thêm là không thực hiện đúng tinh thần Nghị định 67, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Báo cáo số 126/BC-ĐCKSK, ngày 18/3/2020 của Đoàn cửa khẩu Sa Kỳ (bl 506) thể hiện “*Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/4/2018 tàu cá của ông Ao Xuân T đang hành nghề tại tọa độ 15⁰35'N-109⁰45'E (cách đảo Lý Sơn khoảng 25 hải lý về hướng Đông – Đông Bắc) thì phát hiện lưới bị nước chảy cuốn trôi, các thuyền viên trên tàu tiến hành kéo lưới lên tàu được 250 tấm...Theo trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, thời tiết trên biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi ngày 14/4/2018 có gió cấp 3 - cấp 4*”.

Tại Điều 3 Thông tư 114/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định 67 thì nguyên nhân khách quan, bất khả kháng bao gồm: “*Tàu bị thiên tai trên biển; tàu bị nước ngoài bắt giữ sau đó trả lại; bị tàu nước ngoài hoặc tàu hải tặc đâm*

va”. Tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 123/2018 ngày 17/12/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 114/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 nêu trên bổ sung các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được hưởng cơ chế xử lý rủi ro theo Nghị định 67 như sau: *“Tàu bị thiên tai làm hư hỏng phải sửa chữa; tàu bị nước ngoài bắt, giam giữ; Tàu bị tàu khác đâm, va làm hư hỏng phải sửa chữa (không do lỗi của chủ tàu); Tàu đóng mới kém chất lượng, bị hư hỏng phải sửa chữa tàu dẫn đến không thể hoạt động khai thác thủy sản do lỗi của bên đóng tàu; Chủ tàu bị bệnh tật, bị tai nạn không có khả năng đi biển (trong trường hợp chủ tàu trực tiếp đi biển); chủ tàu chết, mất tích...”*.

Đối chiếu với quy định nêu trên thì trường hợp rủi ro mất lưới như ông T, bà Tr trình bày không phải là nguyên nhân khách quan, bất khả kháng. Mặt khác, Nghị định 67 quy định trường hợp chủ tàu bị rủi ro xảy ra do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì được cơ cấu lại thời hạn trả nợ chứ không ràng buộc trách nhiệm của Ngân hàng thương mại phải cho khách hàng vay thêm như ông T, bà Tr yêu cầu.

[2.4] Về nội dung kháng cáo cho rằng Nghị định 67 quy định chỉ thể chấp tài sản là tàu cá đóng mới nhưng Ngân hàng V ép bị đơn phải thế chấp cả nhà đất đang ở là không đúng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo điểm đ Khoản 1 Điều 4 của Nghị định 67 quy định chủ tàu được thế chấp giá trị tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản bảo đảm cho khoản vay. Tại Điều 6 Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: *“Ngân hàng thương mại nhận con tàu mới để khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ khai thác hải sản xa bờ làm tài sản bảo đảm cho khoản vay”*, không có quy định các bên không được thỏa thuận bổ sung thêm các tài sản bảo đảm khác.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1435/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016 thể hiện tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 37, tờ bản đồ số 77, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Ông T, bà Tr, anh Ao Xuân V, anh Ao Xuân T1 và anh Ao Xuân T2 cùng ký vào Hợp đồng thế chấp nêu trên và hợp đồng này được công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày 28/10/2016. Việc giữa hộ gia đình ông T, bà Tr và Ngân hàng V ký hợp đồng thế chấp để thế chấp tài sản là nhà đất bảo đảm cho khoản vay của ông T, bà Tr tại Ngân hàng là sự thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên, hợp đồng đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Ông T, bà Tr cho rằng Ngân hàng V ép buộc ông bà phải thế chấp tài sản trên nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.5] Đối với nội dung kháng cáo trình bày Tòa án sơ thẩm mở phiên tòa giải quyết vắng mặt ông T trong khi ông đang nằm viện điều trị tại bệnh viện Sài Gòn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm thì thời gian mở phiên tòa vào ngày 14/9/2020 nhưng ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020, Hội đồng xét xử đã ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 30/9/2020. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 30/9/2020, ông T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành xét xử vắng mặt ông T. Ông T cho rằng vào ngày 30/9/2020, ông đang nằm điều trị tại bệnh viện Sài Gòn nhưng ông không có đơn trình bày lý do vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vắng mặt tại phiên tòa là do ông đang nằm viện như ông trình bày trong đơn kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành xét xử vắng mặt ông Ao Xuân T là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, như đã nhận định trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền cấp bù lãi suất năm đầu tiên của thời hạn vay là 427.725.721 đồng là không đúng nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm:

[4.1] Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải hoàn trả tiền hỗ trợ cấp bù lãi suất là 427.725.721 đồng nên bị đơn ông T, bà Tr không phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu này. Ngoài ra, do vợ chồng ông T, bà Tr đang gặp khó khăn, không có đủ tài sản để nộp án phí và có đơn xin miễn, giảm án phí được Ủy ban nhân dân xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Hội đồng xét xử xét giảm 50% án phí, ông T, bà Tr phải nộp án phí sơ thẩm số tiền 57.633.060 đồng ($[112.000.000 \text{ đồng} + 3.266.120 \text{ đồng}] : 2$).

[4.2] Ngân hàng V phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền hỗ trợ cấp bù lãi suất 427.725.721 đồng không được chấp nhận là 21.109.028 đồng ($20.000.000 \text{ đồng} + [21.109.028 \text{ đồng} \times 4\%]$).

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

Áp dụng các điều 293, 294, 295, 299, 317, 318, 321, 323 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính Phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính Phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; khoản 3 Điều 8 Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính Phủ; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

- Buộc ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng V tổng số tiền (tạm tính đến hết ngày 29/9/2020) là 7.150.341.190 đồng (*bảy tỉ, một trăm năm mươi triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, một trăm chín mươi đồng*), trong đó: nợ gốc là 5.969.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.117.428.978 đồng, lãi quá hạn 63.012.212 đồng.

- Buộc ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr phải hoàn trả cho Ngân hàng V phần lãi suất đã được Ngân sách nhà nước cấp bù với số tiền 115.778.889 đồng (*một trăm mười lăm triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V đối với yêu cầu buộc ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr phải hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền lãi trong năm đầu tiên kể từ ngày rút vốn đầu tiên, số tiền 427.725.721 đồng (*bốn trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng*).

3. Kể từ ngày 30/9/2020, ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc, theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5018/16/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 28/10/2016 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 5018.01/KHBL.QNg-NĐ67 ngày 16/02/2017 cho đến khi ông T, bà Tr thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

4. Trường hợp ông T, bà Tr không trả hoặc trả không đủ các khoản nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Tàu cá được mô tả như sau: Số đăng ký: QNg-90599-TS, Kiểu máy: Mitsubishi, Số máy: 69551, Công suất máy: 823 CV, Nơi sản xuất máy: Nhật,

Kích thước: 22m x 6.8m x 3m, Vật liệu: Gỗ, Năm và nơi đóng: 2017, Quảng Nam, Ngư lưới cụ: 350 tấm lưới rê thành phẩm (Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019 chỉ còn 30 tấm lưới, trong đó 20 tấm lưới còn sử dụng được, 10 tấm lưới đã rách), Vật tư, trang thiết bị: Toàn bộ vật tư và trang thiết bị trên tàu tại mọi thời điểm, Giấy tờ sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 48/17 do Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/01/2017 chủ tàu là Ao Xuân T, theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 1434/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi số: 1434.01/17/SĐBĐ-KHBL.QNg ngày 16/02/2017.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 77, diện tích 115m², xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX 460960 số vào sổ cấp GCN CH 05846, do Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn cấp cho hộ ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr ngày 31/12/2014) và tài sản gắn liền trên đất là nhà ở cấp 4, diện tích 63,02m², các công trình phụ khác gắn liền với đất, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1435/BĐ-KHBL.QNg ngày 28/10/2016.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà Tr phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 9.000.000 đồng, ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr phải chịu. Ngân hàng V đã nộp tạm ứng 9.000.000 đồng và đã chi xong. Ông T, bà Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 57.633.060 đồng (*năm mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, không trăm sáu mươi đồng*).

- Ngân hàng V phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 21.109.028 đồng (*hai mươi một triệu, một trăm lẻ chín nghìn, không trăm hai mươi tám đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.634.214 đồng (*năm mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm mười bốn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002468, ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí sau khi khấu trừ là 36.525.186 đồng (*ba mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng*).

7. Về án phí phúc thẩm: Ông Ao Xuân T, bà Nguyễn Thị Tr không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T, bà Tr số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông T, bà Tr đã nộp (bà Nguyễn Thị Tr đại diện nộp) theo biên lai số 0003533 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng